

NGUYỄN VĂN THANH*
NGUYỄN THÚY THƠM**

VAI TRÒ TƯ TRỌNG ÂN CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG ĐẠO ĐỨC NGƯỜI DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Từ khi du nhập và truyền bá vào Việt Nam, Phật giáo đã gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, Phật giáo ngày càng khẳng định vị thế trong lòng người dân. Tinh thần nhập thế của Phật giáo cùng với truyền thống yêu nước đã trở thành một sức mạnh tinh thần giúp người dân Việt Nam lựa chọn và phát huy các giá trị đạo đức Phật giáo mang đậm tính nhân văn trong cuộc sống. Một trong những giá trị đạo đức Phật giáo được nhiều người học Phật cũng như Phật tử áp dụng ngay trong đời sống hằng ngày, đó chính là tư trọng ân. Đây là quan niệm đặc sắc của Phật giáo về lòng biết ơn, và báo ơn. Giá trị tư trọng ân được khái quát trong kinh điển Phật giáo, khi du nhập vào Việt Nam, đã hòa quyện cùng những giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc, trở thành đạo đức, lối sống cao đẹp của Phật tử nói riêng và người dân Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Phật giáo, đạo đức Phật giáo, tư trọng ân, đời sống đạo đức, Việt Nam

Mở đầu

Trong lịch sử, tư trọng ân đã có những giá trị tốt đẹp góp phần làm phong phú, đa dạng các giá trị văn hóa của nhân dân, đồng hành cùng quá trình phát triển, đi lên của đất nước. Làm thế nào để phát huy vai trò của tư trọng ân trong đời sống thực tiễn tại Việt Nam một cách hiệu quả đang là một vấn đề mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng

* Ban Tổ chức - Cán bộ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.

** Thích Minh Thịnh, Ủy viên thường trực Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương, Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Giảng viên kiêm nhiệm Bộ môn Tôn Giáo học, trường Đại Học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 07/9/2024; Ngày biên tập: 9/9/2024; Duyệt đăng: 01/12/2024.

như người học Phật, các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Có thể thấy, *tứ trọng ân* được đề cập đến trong nhiều kinh điển Phật giáo, như: *Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân*, *Kinh Mục Liên Sám Pháp*, *Kinh Lương Hoàng Sám*, *Kinh Từ Bi Thủy Sám*, *Kinh Vu Lan Báo Hiếu*, *Đại Phương Tiện Phật Báo Ân*, *Kinh Tăng Chi Bộ*, *Kinh Thiện Sinh*... đó là: *ân Phật*, *ân cha mẹ*, *ân sư trưởng*, *ân chúng sinh*, đây là bốn ân đức sâu dày mà Đức Phật đã để lại cho hàng đệ tử Phật phải luôn giữ gìn và ghi nhớ. Đây cũng là những giá trị nền tảng, tạo động lực cho mỗi đệ tử Phật biết hành thiện, báo đáp công ơn, từ đó mới có thể hướng đến con đường giải thoát giác ngộ.

Bàn về ảnh hưởng của *tứ trọng ân* đến các giá trị đạo đức của xã hội Việt Nam, có thể kể đến một số tác phẩm như: *Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm* của Đại Sư Tịnh Am, với các bản dịch của Hòa Thượng Tuyên Hóa, Nhựt Chiêu, hay Chu Phi Đây là tác phẩm có ý nghĩa sâu sắc với người học Phật, có đề cập rất chi tiết và cụ thể về khuyến khích, sách tấn việc tu hành của người tu, trong đó đề cao bốn ân lớn mà người xuất gia cũng như tại gia cần phải coi trọng là ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân chúng sinh. Bài viết *Giáo dục tư tưởng Tứ Ân cho lớp trẻ* của Tạ Chí Hồng (2012), Báo Giác Ngộ, nói về thực trạng đạo đức Việt Nam, đồng thời nói lên vai trò của “*tứ trọng ân*” trong việc nâng cao các chuẩn mực đạo đức của xã hội như: lòng yêu nước, coi trọng hòa bình, tự do, bình đẳng, sự hiếu thảo... , đặc biệt, vai trò của *tứ trọng ân* trong giáo dục thế hệ trẻ. Cuốn *Phật và Thánh chúng* của Thích Minh Tuệ (2018), Nxb. Tôn giáo, về cuộc đời đức Phật và những luận chứng nhằm giúp người đọc hiểu được giá trị của *tứ trọng ân* thông qua đời sống phạm hạnh và tám gương của Đức Phật. Tuy nhiên, chưa có nhiều bài viết đề cập cụ thể và sâu sắc đến vai trò của *tứ trọng ân* trong việc định hướng đời sống đạo đức của tăng, ni, phật tử cũng như toàn xã hội.

Bài viết này được thực hiện trên cơ sở kế thừa những công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước về *tứ trọng ân*, tìm hiểu các kinh điển, giáo lý Phật giáo, và thực tiễn đời sống văn hóa tinh thần tại Việt Nam. Bằng các phương pháp liên ngành Tôn giáo học, Nhân học tôn giáo, bài viết phân tích thực trạng vai trò của *tứ trọng ân* trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, góp phần xây dựng, nâng cao đạo đức của tăng, ni, phật tử cũng như đời sống tinh thần của người dân trong bối cảnh hiện tại.

1. Nội dung của tứ trọng ân trong Phật giáo

Thuật ngữ *tứ trọng ân* không được nhắc đến trực tiếp trong kinh điển gốc nguyên thủy của Phật giáo, tuy nhiên, khi tìm hiểu về Phật giáo Tiểu thừa hay Đại thừa, việc báo đáp các ân đức được nhắc đến nhiều. Bên cạnh việc tu tập giải thoát cho bản thân thì việc báo đáp ân nghĩa là yếu tố nhân phẩm cần và đủ cho mọi sự chứng đạt giác ngộ và giải thoát. Thuật ngữ *tứ trọng ân* (四重恩) đề cập đến bốn loại ân đức lớn lao mà mỗi người, nhất là đệ tử Phật cần ghi nhớ và báo đáp, gồm: *ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân chúng sinh*.

1.1. Ân Phật

Người học Phật không thể không biết đến ân đức của Phật. Tình yêu thương của Phật dành cho muôn người, muôn vật không thể đong đếm. Trong *Văn Khuyển Phát Bồ Đề Tâm* (một trong những tác phẩm luận quan trọng trong hệ thống kinh- luật-luận của Phật giáo khuyến khích sự phát tâm tu tập của người đệ tử Phật) có nêu rõ về ân đức của Phật: “Thế nào là nhớ ơn nặng của Phật? Phật Thích Ca Như Lai của chúng ta, lúc mới phát tâm, đã vì chúng ta mà tu Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp chịu đủ các thứ khổ cực. Khi ta tạo nghiệp, Đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta đọa địa ngục, Phật càng thương xót, muốn thay ta chịu khổ nhưng vì nghiệp ta quá nặng nên không thể cứu vớt. Ta sinh làm người, Phật dùng phương tiện khiến cho ta gieo trồng căn lành. Đòi đòi kiếp kiếp, Phật luôn theo ta, lòng Ngài không tạm rời bỏ” [Tuyên Hóa, 2006: 33]. Trong *Kinh Từ Bi Thủy Sát Ma* có nêu rõ: “Đức Phật Như Lai từ vô lượng kiếp đã vì chúng ta mà bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, tay chân, xương thịt, quốc thành, vợ con, voi ngựa, thất bảo, tu hành khổ hạnh. Ôn đức ấy thật khó báo đền” [Thích Huyền Dung, 1995: 33]. Dù sống trong cảnh cung vàng điện ngọc, nhưng Ngài đã từ bỏ vợ đẹp, con ngoan... những thứ mà theo Ngài đó chỉ là hạnh phúc tạm thời. Từ đó, Ngài đi tìm con đường để dứt trừ phiền não, tìm lại hạnh phúc đích thực cho bản thân và hơn thế nữa là giúp cho muôn vàn chúng sinh vượt ra khỏi cảnh khổ, sinh tử luân hồi, đạt đến sự giác ngộ trong tâm thức. Đức Phật đã hi sinh cả cuộc đời để tìm ra con đường giải thoát, giác ngộ, vì thương xót nỗi khổ của nhân sinh chìm đắm trong vòng sinh tử, luân hồi, sinh, già, bệnh, chết. Việc tu tập của Ngài không xuất phát từ tư lợi cá nhân mà muốn đem đến lợi ích cho chúng

sinh, cứu khổ cho muôn loài. Trong *Kinh Tăng Chi Bộ* có nói về ân đức sâu dày của Phật khi đem lại lợi lạc, hạnh phúc cho muôn vàn chúng sinh “Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người” [Thích Minh Châu, 1996: 46].

Người học Phật cũng như người tu hành cần phải hiểu và luôn tri ân rằng nhờ có Đức Phật mà chúng ta hiểu được con đường nhân sinh, biết loại trừ phiền não trong cuộc sống. Trong *Kinh Từ Bi Thủy Sâm* cũng có đề cập cụ thể về việc báo đáp ơn Phật của người xuất gia “chúng ta muốn đền đáp công ơn của đức Như Lai trong đời này phải dũng mãnh, tinh tiến, gắng chịu khổ nhọc, không tiếc thân mệnh, gây dựng Tam Bảo, hoằng dương giáo pháp đại thừa, hóa độ chúng sinh đồng vào ngôi chính giác” [Thích Huyền Dung, 1995: 33].

Như vậy, có thể nói ân đức của Phật được biểu hiện cụ thể qua một số nội dung chính sau: *một là*, Đức Phật đã phải trải qua vô lượng vô số kiếp tu hành, chịu nhiều gian khổ để chứng ngộ sự thật về khổ, nguồn gốc của khổ, sự thật về Niết Bàn và con đường đưa đến giải thoát giác ngộ; *hai là*, Đức Phật đã không giữ riêng cho mình chân lý mà Ngài khám phá và chứng ngộ. Ngài đã đem giáo pháp thuyết giảng cho mọi người một cách công khai đầy thuyết phục để giúp chúng sinh đoạn tận khổ đau, đạt đến an vui, niết bàn. Bên cạnh đó, giáo pháp của Ngài tuyên thuyết liên quan đến đạo đức và luân lý, mang tính triết học, thực tiễn sâu sắc, có thể áp dụng cho đến ngày nay, với bất kì quốc gia nào, xã hội nào, ai ai cũng có thể thực hành, áp dụng vào đời sống nhằm điều chỉnh hành vi, thanh lọc tâm trí và chứng đạt trí tuệ ở hiện tại, để giải thoát giác ngộ trong đời sau. Do đó, người tại gia, người học Phật nhớ, nghĩ đến công ơn của Đức Phật thì tìm hiểu rõ ràng giáo pháp, phân biệt đâu là chính pháp, đâu là tà pháp, biết áp dụng lời Phật dạy vào đời sống tu tập và cuộc sống hàng ngày của mình, để đem lại an vui, hạnh phúc cho bản thân, gia đình, xã hội, góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp.

1.2. Ân cha mẹ

Đối với bản thân mỗi người kể cả tại gia hay xuất gia, công ơn của cha mẹ vô cùng to lớn, đối với người tại gia sự nuôi nấng, giáo dục của cha mẹ là yếu tố nền tảng giúp hình thành nên đạo đức của một cá nhân, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội tốt đẹp, bởi gia đình là thành tố quan trọng của xã hội. Đối với người xuất gia, cha mẹ là chỗ dựa vững chắc, yếu tố quan trọng giúp mỗi người xuất gia hình thành nhân cách, đạt được con đường giải thoát, giác ngộ.

Công ơn cha mẹ được thể hiện trong các bản kinh điển Phật giáo đó là: *Mười ân đức của cha mẹ* là những điều tốt đẹp mà cha mẹ làm cho con trong suốt cả một cuộc đời từ lúc thai giáo đến lúc con sinh ra và trưởng thành. Trong *kinh Vu Lan Báo Hiếu* phần “Phật nói *kinh Vu Lan Bồn*” có đoạn “công dưỡng dục thâm ân dốc trả, nghĩa sinh thành đạo cả mong đền, làm con hiếu hạnh vi tiên” [Thích Huệ Đăng, 2007: 45]. Trong *kinh Mục Liên Sám Pháp* có bàn về ân đức của cha mẹ cụ thể như sau: “nghĩ đến cha mẹ sinh ra thân ta, mang thai mười tháng, khổ sở vô cùng, đến gần giờ sinh, kinh hoàng sợ hãi, tính mạng của mẹ, như sương ngọn cỏ, như đèn trước gió, họ hàng lo lắng, cả nhà không yên. Thế rồi bú mớm, ngày đêm chăm sóc, không lúc nào quên, chỗ ướt mẹ nằm, chỗ khô con ngủ, đến khi lớn khôn, hiểu biết việc đời, gây dựng gia đình, hoặc cho xuất gia, tu học đạo pháp, trở thành giải thoát. Ân đức như thế, thật khó đáp đền” [Phúc Tuệ, 2022: 129].

Như vậy, trước khi trở thành một người xuất gia, một mình bước đi trên con đường giải thoát giác ngộ, người tu hành cũng không thể thiếu vắng được hình bóng của cha mẹ trên đường đời. Phật giáo bao quát cả thế gian và xuất thế gian,... đối với người làm con, làm cháu thì nói đến việc hiếu thảo, dạy mọi người phải làm tròn bổn phận của mình, rồi sau mới có thể tu pháp xuất thế gian. Nếu như người bình thường chăm sóc cho cha mẹ về mặt vật chất và tinh thần, thì Đức Phật lựa chọn con đường xuất thế mà Ngài đã giác ngộ. Ngài đã tu tập, hướng cha mẹ đến con đường Phật pháp để không phải chịu cảnh sinh, già, bệnh, chết của thế gian. Ngài muốn báo đáp cha mẹ không chỉ đời này mà còn hướng cha mẹ tu tập để đời sau được giải thoát. Hiểu được Phật pháp người học Phật có cách đặc biệt để báo đáp công ơn sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ, đó là lo cho cha mẹ phong phú, vững chãi về mặt tinh thần. Theo Phật giáo, người hiểu giáo pháp sẽ phụng

dưỡng cha mẹ không chỉ về ăn uống, chỗ ở, vật chất, mà hơn hẳn người thường là phải hướng cha mẹ hiểu được Phật pháp, biết quy y tam bảo, khuyên cha mẹ làm điều phúc thiện, bỏ các việc ác, phát tâm bố thí, hỗ trợ tam bảo (Phật, pháp, tăng)... Những việc làm như vậy giúp cho cha mẹ đời này được an vui, hạnh phúc, vào đời sau không bị sa đọa vào cõi dữ, đó mới chính là con đường hiếu đạo của Phật giáo.

1.3. Ân sư trưởng

Trong tác phẩm *Văn Khuyên Phát Tâm Bồ đề* có định nghĩa cụ thể về Sư Trưởng như sau: “Sư trưởng theo cách nói của nước ta thời xưa là người truyền đạo, thụ nghiệp. Theo Phật Pháp sư trưởng có hai loại là sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế. Sư trưởng thế gian là người dạy ta biết lễ nghĩa. Nếu không có sư trưởng thế gian dạy bảo chúng ta thì chúng ta sẽ là người không có học thức, thô鄙 và không biết lễ nghĩa. Sư trưởng xuất thế là người khai thị cho chúng ta hiểu Phật pháp. Nếu không có sư trưởng xuất thế khai thị cho chúng ta sẽ không hiểu Phật pháp là gì. Sư trưởng của người xuất gia cũng có nhiều loại, như thế phát (lúc cắt tóc), Hòa Thượng thuyết giới lúc thụ giới, Hòa Thượng yết ma, Hòa Thượng giáo thụ,... lại còn y chỉ sư là người mà ta theo đuổi để tu học Phật pháp” [Chu Phi, 1993: 133].

Nói về ân đức của người Thầy ở Thế gian. Vị trí của người Thầy có vai trò vô cùng quan trọng đối với học trò. Con người có thân là do cha mẹ trao truyền, đó là ơn sâu nghĩa nặng thứ nhất khi làm người ai cũng phải nghĩ đến sự báo đáp. Nhưng thân thể chỉ là một phần cơ bản của con người, phần quyết định cho sự thành công, đạt được sự nghiệp, làm vẻ vang cho dòng họ là kiến thức, kỹ năng, hiểu biết đạo lý làm người. Những sở đắc này cha mẹ chỉ có thể dạy bảo cung cấp cho con cái một phần nhỏ, phần lớn đều do các vị Thầy giáo dục mà nên. Người Thầy trao truyền cho mỗi người rất nhiều điều, từ kiến thức, kinh nghiệm sống... Nhờ có Thầy mà ta trưởng thành về phương diện tinh thần, có đầy đủ các kỹ năng, có được đầy đủ các chuyên môn, và trên đó nữa là lễ nghĩa....

Về ân đức của người Thầy xuất thế gian, khi đã xuất gia thì lại phải có Thầy xuất thế dạy dỗ thì mới hiểu biết Phật pháp và tu hành đúng pháp, nhờ đó thăng tiến trên đường đạo nghiệp, vì thế ơn này càng sâu nặng hơn. Người Thầy là người dạy cho đệ tử những điều chưa biết, giới thiệu bạn lành cho đệ tử, làm cho sáng tỏ điều hiểu biết của đệ tử, đem hết sự hiểu biết của mình để truyền dạy.

Trong *Khuyến Phát Bồ Đề Tâm* có định nghĩa về việc nhớ ơn sư trưởng: “Thế nào là nhớ ơn sư trưởng? Cha mẹ tuy sinh dưỡng sắc thân ta, nhưng nếu không có Sư trưởng thế gian thì ta không hiểu biết lễ nghĩa; không có Sư trưởng xuất thế thì ta không hiểu Phật pháp” [Tuyên Hóa, 2006: 43]. Trong *Kinh Lương Hoàng Sám*, chương thứ hai mươi bốn “Lễ Phật Thế Sư Trưởng” có đoạn nói lên ân đức của Sư Trưởng: “Sư trưởng đối với chúng con có ơn đức vô lượng. Sư trưởng có lòng đại từ đại dặt khuyên dỗ, hằng ngày dạy chúng con tu thiện, muốn chúng con ra khỏi biển sinh tử đến bờ giải thoát bên kia. Mọi điều lợi ích đều khiến chúng con thấy Phật, trừ hết phiền não kiết tập, an trú vào đạo vô vi. Ôn đức như vậy, ai hay báo đáp cho cùng tận. Dầu trọn đời tu hành, đó chỉ là tự lợi chứ chưa phải báo đáp ơn Sư trưởng. Sở dĩ Phật dạy: “thiện tri thức trong thiên hạ không ai hơn Sư trưởng, đã tự độ mình, lại hay độ người” [Thích Viên Giác, 2012: 424].

Người học Phật cần phải hiểu được vai trò của người Thầy thế gian và người Thầy xuất thế gian, từ đó biết rèn luyện bản thân, nhằm báo đáp công ơn của người Thầy, không phụ lòng mong mỏi của Thầy đối với người trò, người đệ tử. Trong *Kinh Thiện Sinh* có đề cập: “Này thiện sanh, đệ tử kính thuận ư trưởng lại có năm điều sau đây. Những gì là năm? Hầu hạ, cung cấp điều cần thiết, cung kính cúng dường, tôn trọng quý mến; thầy dạy bảo điều gì phải kính thuận, không chống trái, theo thầy nghe pháp, nhớ kỹ không quên” [Thích Chơn Thiện, 1991: 568].

1.4. Ân chúng sinh

Chúng sinh trong Phật giáo được hiểu là tất cả những loài hữu tình hay vô tình nhiều hình dạng khác nhau, cách sống khác nhau, dựa theo nghiệp lực của chính loài đó. Báo ơn chúng sinh là một trong những phần cần thiết thực hành trên con đường tu tập, xuất phát từ tinh thần từ bi và trí tuệ. Theo Phật giáo chúng ta phải nhớ ơn chúng sinh bởi vì: ta và chúng sinh từ bao đời kiếp xa xưa đến nay- từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ đời này đến đời khác làm cha mẹ, họ hàng, bà con quyến thuộc lẫn nhau, có ơn với nhau. Trong kinh *Đại Phương Tiện Phật Báo Ân* có đoạn “Bởi thế, chính tất cả chúng sinh, đã khiến cho Như Lai, đầy đủ bản nguyện, vì thế nên biết, tất cả chúng sinh là trọng ân đối với Phật, vì có trọng ân như vậy, cho nên Như Lai không bỏ chúng sinh. Như Lai đem tâm đại bi thương tu tập hữu vi để cứu độ chúng sinh” [Thích Chính Tiến, 2022: 50].

Một số cách báo ơn chúng sinh trong Phật giáo có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, trải lòng từ bi hỷ xả với muôn vạn chúng sinh trong đó có chúng sinh đời này cũng như vô thủy kiếp về trước. Là người đệ tử Phật, hiểu được ân đức của chúng sinh để tri ân và biết ơn, hành xử có chuẩn mực trong cuộc sống, hiểu được rằng nhờ có chúng sinh mà chúng ta có được như ngày hôm nay. Khi làm bất cứ một việc gì đều phải tính đến lợi ích cho chúng ta và cả cho mọi người, cho muôn vật và chúng sinh. Đệ tử Phật còn phải luôn hướng đến chư vị chân linh, cửu huyền thất tổ,... trong nhiều tiền kiếp, hữu hình hay vô hình, đều nguyện cho họ được phát tâm bồ đề, hướng về cõi cực lạc. Trong *kinh đại phương tiện Phật báo ân* có đoạn: “Như Lai vì tất cả chúng sinh ở trong ba cõi, hai mươi lăm cõi, mà không nghĩ đến công lao của mình. Thường tu hành từ bi bình đẳng, xả hành phương tiện, thấu suốt tất cả chúng sinh không, pháp không, năm ấm không, cho nên không thoái chuyển tâm Đại thừa, để an vui lấy một mình, không để mất Đại nguyện, bỏ chúng sinh chìm đắm trong bể khổ sinh tử, chẳng trước Tiểu thừa chấp “không”, chẳng dọa phàm phu chấp “có”, tu hành thực tướng phương tiện, chẳng bỏ lối tu hành Nhị thừa, học tất cả phương tiện” [Thích Chính Tiến, 2022: 55].

Thứ hai, trải lòng từ bi mẫn để thấy được nỗi khổ của các loài chúng sinh, mong muốn chúng sinh thoát ra khỏi cảnh khổ đau đó. Như Chương thứ 31, Lễ Phật Thế Chúng Sanh Trong *kinh lương hoàng sám*, chương Các Địa Ngục Hỏa Thành Dao Sơn,... có đoạn “Nguyện xin Tam Bảo rủ lòng từ bi mẫn, đồng gia tâm cứu hộ, nguyện cho hết thấy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong những địa ngục uống nước đồng sôi,... hết thấy tội chướng đều được tiêu trừ, hết thấy khổ não đều được giải thoát, từ nay về sau không còn dọa lại trong các địa ngục, không sinh vào địa ngục, sinh về Tịnh độ, bỏ mạng địa ngục được mạng trí huệ, tứ vô lượng tâm, lục ba la mật thường được hiện tiền, bốn vô ngại trí, sáu sức thần thông, tự tại như ý; ra khỏi địa ngục, được vào Niết bàn, đồng như chư Phật, thành đẳng Chánh giác” [Thích Viên Giác, 2012: 454].

Thứ ba, trải tâm bình đẳng, không phân biệt giữa mọi loài chúng sinh. Giáo lý Phật giáo về *ân chúng sinh* như là ánh mặt trời xua đi mọi mê lầm, đem đến bình đẳng thực sự không chỉ cho con người mà

muôn vạn chúng sinh, không phân biệt đối xử với bất kì ai, ai cũng là thân bằng quyến thuộc đời này hoặc nhiều đời về trước. Chúng sinh bình đẳng, tuân theo quy luật nhân quả. Cho nên Đức Phật cho rằng mọi loài chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, và đều có thể thành Phật. Trong kinh *Phật thuyết Phạm võng kinh Bồ-tát tâm địa phẩm* trong Đại Chánh Tạng, tập 24, đức Phật đã từng chỉ bày “Đại chúng lòng nên tin chắc: Chúng sinh là Phật sẽ thành, Ta đây là Phật đã thành” [Trí Tịnh, 2014: 120].

Thứ tư, phát tâm bồ đề và nguyện thành bậc giác ngộ, rồi sau đó hóa độ cho các chúng sinh giải thoát, giác ngộ như mình: “Thiện nam tử! Ông hãy nghe cho kỹ: Bồ Tát muốn tri ân báo ân nên phải phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, và dạy bảo tất cả chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác” [Kinh đại phương tiện, phẩm báo ân - cuốn nào theo đúng trích dẫn].

2. Một số giá trị đạo đức của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Một là, truyền thống uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, hiếu đạo

Uống nước nhớ nguồn là sự biết ơn đối với các thế hệ ông cha đã hy sinh để dựng nước, giữ nước hay nói cách khác là những người đã có công chiến đấu, bảo vệ, xây dựng đất nước. *Tôn sư trọng đạo* là biết ơn đối với những người đã giúp đỡ, nuôi nấng và dạy dỗ ta, và *hiếu đạo* là yêu thương, báo hiếu với ông bà tổ tiên cha mẹ.

Truyền thống uống nước nhớ nguồn được nhân dân ta đúc kết qua nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ tồn tại cho đến ngày nay có thể kể đến như: “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “ân sâu nghĩa nặng”, “Ai ơi bưng bát cơm đầy. Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần”, “Muốn sang thì bắc cầu kiều. Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”; “tôn sư trọng đạo”,... Truyền thống này được biểu hiện cụ thể trong đời sống cá nhân của mỗi con người trong mối quan hệ với thầy cô, cha mẹ, bạn bè cho đến trong xã hội như việc tham gia các nghĩa vụ của công dân, góp phần phát triển xã hội, đất nước, đền ơn và báo ơn đối với những người đã hi sinh vì độc lập dân tộc, tự do của Tổ quốc. Bởi, “Đạo lý uống nước nhớ nguồn là một giá trị đạo đức, một đạo lý sống truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; giá trị đó được hun đúc và lưu truyền từ ngàn đời nay” [Hoàng Thúc Lâm, 2015: 96].

Nói về hiếu đạo, “trong quan niệm về luân lí gia đình, chữ hiếu được coi như chất keo gắn bó mối quan hệ cha mẹ con cái, “hiếu” trở thành “đạo hiếu”, thành đường, thành hướng cho con cháu đi theo” [Nguyễn Văn Năm, 2022: 14]. Nói về tôn sư trọng đạo: đây được xem là một truyền thống cao đẹp trong tâm thức của mọi người dân Việt Nam từ xưa đến nay. Và “trong xã hội phong kiến, vị thế của người thầy được xếp rất cao. Sau vua chúa, không phải quan lại mà là người Thầy. Công dưỡng dục còn đặt cao hơn cả công sinh thành” [Mai Hồng, 2010: 1].

Có thể nhận xét rằng, truyền thống *uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, hiếu đạo* tuy là ba đạo lí khác nhau nhưng có phần cơ bản trùng nhau. Nếu như con người không có lòng biết ơn thầy cô, cha mẹ thì sẽ không thể biết ơn những người khác. Ngày nay, sự kết hợp giữa gia đình, nhà trường trong việc giáo dục các truyền thống nói trên là một việc làm hết sức cần thiết. Uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, hiếu đạo là nền tảng đạo đức cao đẹp và quý báu, mang đậm dấu ấn của con người Việt Nam, góp phần hình thành phẩm chất của mỗi cá nhân và góp phần xây dựng đất nước văn minh tiến bộ, giữ vững được những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Cho đến nay, điều đó được biểu hiện trong tâm thức của mỗi người con Việt, len lỏi vào các giá trị, phong tục tập quán của làng, khu phố, quê hương, cả công sở, nơi làm việc học tập... về giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ về truyền thống uống nước nhớ nguồn, ân thầy, ân cha mẹ từ khi mới vào môi trường học đường... để báo ơn những người đi trước giúp ta có cuộc sống như ngày hôm nay.

Hai là, lòng yêu nước

Tình yêu nước được thể hiện rất phong phú, đa dạng và tùy theo điều kiện lịch sử và hoàn cảnh đất nước mà ở mỗi một thời kì khác nhau, lòng yêu nước lại được biểu hiện một cách khác nhau. Ví dụ, “trong thời kì phong kiến, tư tưởng yêu nước bị chi phối bởi hệ tư tưởng Nho giáo, theo đó, yêu nước (“ái quốc”) được hiểu đồng nghĩa với “trung quân” [Nguyễn Văn Năm, 2022: 14]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946 “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”. Ngày nay, yêu nước được biểu hiện cụ thể thông qua các hành động xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, đồng hành cùng dân tộc. Việc yêu nước là trân trọng độc lập của dân tộc bao gồm

toàn vẹn lãnh thổ, và trân trọng cả về tư tưởng của dân tộc không bị lệ thuộc vào các quốc gia khác; là sự biết ơn những thế hệ ông cha đã hi sinh xương máu vì nền độc lập của dân tộc. Học tập và làm việc, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm sâu dày, truyền bá những vẻ đẹp của đất nước, quê hương, vẻ đẹp lao động và trí óc của con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế; Yêu nước là sẵn sàng xung phong ra trận khi đất nước cần, là dành tuổi thanh xuân của mình để cống hiến cho sự độc lập, bảo vệ chủ quyền của đất nước, cụ thể như những chiến sĩ canh giữ ở vùng hải đảo, biên cương để giữ gìn nền độc lập của dân tộc, các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ ngày đêm vì sự ổn định của xã hội, hòa bình, tự do của đất nước. Gần đây nhất có thể thấy được lòng yêu nước được biểu hiện trong đại dịch Covid 19, hay qua các trận bão tại miền Trung, miền Bắc tại Việt Nam, nhiều ban ngành đoàn thể, tổ chức, cá nhân, thế hệ bộ đội, thanh niên.... đã tích cực tham gia phục hồi tổn thất và mất mát do dịch bệnh, bão lũ gây ra, không ngại khó khăn gian khổ... Tinh thần yêu nước được thể hiện trong nhiều khía cạnh và bình diện của xã hội như văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, môi trường... góp phần làm sâu sắc các giá trị đạo đức của con người Việt Nam trên mọi lĩnh vực.

Ba là, tinh thần đoàn kết

Tinh thần đoàn kết đã tồn tại cùng với nhân dân ta từ khi thành lập đất nước cho đến ngày nay. Đó được xem như một gia tài quý báu, là nguồn lực vô cùng lớn mạnh để chúng ta vượt qua mọi thách thức, xây dựng một Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc. Hiếm có một quốc gia dân tộc nào, mà tình *đồng bào* được tôn vinh một cách sâu sắc đến như vậy. Lịch sử Việt Nam là một minh chứng cụ thể và rõ ràng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đây là một trong những nét đẹp văn hóa truyền thống của người dân Việt Nam, tinh thần đoàn kết cùng với tinh thần tương thân, tương ái, giúp đất nước ta ngày càng phát triển, sánh vai với các đất nước, dân tộc khác. Trong thời kì chiến tranh gian khổ: nhân dân tất cả mọi lứa tuổi từ già đến trẻ, tất cả giai cấp, thành phần... đều một lòng cùng nhau đoàn kết chống giặc ngoại xâm, thể hiện qua một số cuộc chiến thắng trong lịch sử Việt Nam thể hiện tinh thần đoàn kết của dân tộc. Thời kì hậu chiến khi dân tộc ta phải đối mặt với nhiều thách thức về khôi phục và phát triển kinh tế, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn

nhau một lần nữa lại được biểu hiện cụ thể. Tinh thần này luôn là nguồn động lực, giá trị dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thách thức, xây dựng và phát triển đất nước trong thời bình

Ngày nay, tinh thần đoàn kết được thể hiện trong mọi khía cạnh của xã hội. *Về mặt kinh tế*: cùng nhau hợp tác làm ăn, phát triển sản xuất kinh doanh, kết nối các doanh nghiệp để tạo nên sự phát triển vững mạnh góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. *Về xã hội*: xây dựng cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hướng đến phát triển văn minh, thân thiện, ổn định chất lượng cuộc sống, văn hóa, giáo dục, y tế,... chung tay giải quyết những vấn đề nóng bỏng của xã hội như bạo lực gia đình, bạo lực học đường, giáo dục giới tính cho trẻ vị thành niên, đề cao vấn đề từ thiện xã hội, xây dựng nơi ở, nhà tình thương cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn... *Về văn hóa*: thúc đẩy các giá trị văn hóa tốt đẹp, mang tính cộng đồng, bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, không phân biệt chủng tộc, giai cấp... *Về giáo dục*: có mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình, học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có chính sách đặc biệt đối với những đối tượng chính sách, và có tinh thần vượt khó. *Về y tế*: hỗ trợ người bệnh, nêu cao tinh thần “lương y như từ mẫu”, nâng cao chất lượng, dịch vụ y tế, hướng đến sức khỏe cộng đồng, cùng nhau chung tay phòng chống dịch bệnh, đẩy lùi các căn bệnh xã hội, mang tính đặc biệt như người nhiễm HIV/AIDS, bị tự kỉ, xâm hại tình dục, chất độc màu da cam, nạn nhân khuyết tật, tổn thương tâm lí, trầm cảm... bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra còn nhiều giá trị đạo đức khác của người dân Việt Nam được vun đắp qua nhiều thế hệ như lòng tự trọng, nhân ái, khoan dung, liêm chính, trung thực, giữ chữ tín, yêu thương con trẻ, tôn trọng phụ nữ, tình nghĩa, thân thiện, hiếu khách, sống giản dị, cầu tiến...

3. Tư trọng ân đối với đời sống đạo đức xã hội và tăng, ni, phật tử Việt Nam hiện nay

3.1. Tư trọng ân với đời sống đạo đức xã hội

Một là, ân cha mẹ góp phần đề cao tinh thần hiếu đạo vốn có của dân tộc Việt Nam

Ngày nay, trong xã hội hiện đại, tinh thần hiếu đạo và cách thức thể hiện sự hiếu đễ cũng có phần thay đổi. Bởi “... cùng với sự phát

triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và những tác động của nền kinh tế thị trường, bên cạnh việc đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, tiến bộ khoa học, chúng ta phải đối mặt với những vấn đề tiêu cực như tệ nạn xã hội, sự suy thoái... Mâu thuẫn giữa nếp sống cũ và lối sống hiện đại phần nào làm tan vỡ các mối quan hệ có tính ổn định và văn hóa của gia đình Việt Nam truyền thống” [Thích Minh Thịnh, 2019: 51]. Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, một số giá trị đạo đức, mối quan hệ trong gia đình trở nên mai một, xuống cấp, mối quan hệ giữa cha mẹ con cái ngày càng mờ nhạt. Việc xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững là vô cùng cần thiết vì gia đình là nền tảng căn bản của xã hội, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.

Hiểu được *ân cha mẹ* trong *tứ trọng ân* của Phật giáo giúp các thành viên biết yêu thương, san sẻ cho nhau, xây dựng các mối quan hệ ông bà, cha mẹ, con cái, vợ chồng trở nên tốt đẹp theo tinh thần Phật giáo. Mô hình gia đình Phật tử được áp dụng tại nhiều chùa, các khóa tu mùa hè chủ đề “ân đức cha mẹ”, “con đường hiếu đạo” cũng được tổ chức tại nhiều nơi. Từ việc tạo mối liên kết, gắn bó tích cực giữa cá nhân với cá nhân, *tứ trọng ân* là nền tảng giúp xây dựng các mối quan hệ trong gia đình, một cách bền vững, tốt đẹp, là cơ sở cho việc xây dựng một xã hội tốt đẹp và vững mạnh.

Là người đệ tử Phật, cần hiểu trước khi trở thành Phật tử phải làm tròn bổn phận, trách nhiệm của mình trong quan hệ với gia đình. Con cái phải biết thăm hỏi, phụng dưỡng, chăm lo cho ông bà, cha mẹ, kết nối giữa các thế hệ; cần có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, tưởng nhớ đến những người đã khuất; tôn trọng lời nói của cha mẹ, lắng nghe lời khuyên nhủ của cha mẹ, không làm việc gì khiến cha mẹ buồn phiền.

Hai là, ân sư trưởng góp phần đề cao truyền thống tôn sư trọng đạo

Trước sự bùng nổ của công nghệ thông tin, sự thay đổi trong phương thức học tập, vai trò của người thầy cũng có nhiều thay đổi: nếu như xưa kia, thầy cô chủ động về mọi bài giảng và kiến thức, học sinh tiếp thu một cách bị động, thì giờ đây tính chủ động của người học tăng cao. Người thầy là cầu nối và là người định hướng cho học sinh thông qua những kinh nghiệm đi trước, truyền trao những hiểu biết được đúc kết trong cuộc sống và quá trình làm việc của bản thân mình, chỉ lối đưa đường cho học sinh đến bờ tri thức. Thầy cô giờ đây là những người tạo động lực cho học sinh, bên cạnh đó họ không chỉ

là những người truyền đạt chuẩn mực sống mà còn là những người định hướng giá trị sống cho học sinh. Vấn đề đặt ra trong xã hội hiện nay là một số học sinh có cách hành xử tiêu cực, thiếu tôn trọng, một số trường hợp còn xâm hại, bạo lực với chính người Thầy của mình.

Hiểu được ân sư trưởng, chúng ta hiểu rằng người Thầy đã góp phần cho sự thành công của bản thân, thế hệ học sinh sẽ có thái độ và những hành động tích cực nhằm biểu hiện lòng tri ân, báo ân của mình...người xuất gia hay cư sĩ tại gia cũng tri ân người Thầy bằng những hành động thiết thực thể hiện qua việc tu tập và giữ gìn giới luật, hoằng dương Phật Pháp để nối tiếp mạng mạch của người Thầy.

Ba là là, ân chúng sinh góp phần thúc đẩy tình thân yêu nước, yêu chuộng hòa bình, độc lập dân tộc vốn có của nhân dân ta; góp phần đề cao tinh thần đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, giúp đỡ người khó khăn, yêu thương muôn loài

Hiện nay, một số thanh niên trẻ, do ảnh hưởng của đời sống vật chất của chủ nghĩa tiêu dùng, mà quên ơn thế hệ ông cha đã từng hy sinh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, hay vì lợi ích, tư lợi cá nhân làm những điều trái pháp luật, thậm chí gây rạn nứt khối đoàn kết dân tộc, làm mai một lòng yêu nước, ảnh hưởng đến hình ảnh của đất nước... Biết ơn với mọi người, muôn vật và mọi mối quan hệ cũng chính là phát huy đạo đức Phật giáo, góp phần xây dựng nền đạo đức xã hội tốt đẹp, hạn chế tệ nạn trong xã hội, xây dựng đất nước ngày một bền vững. *Ân chúng sinh* góp phần giáo dục về truyền thống yêu nước, tức coi trọng mọi người, biết ơn mọi người, mọi mối quan hệ cho dù là nhỏ nhất, xây dựng các mối quan hệ với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trở nên hoàn thiện và tốt đẹp hơn. Người hiểu được ân chúng sinh biết ơn những người trong quá khứ có công hi sinh vì độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền đất nước... Sự biết ơn đó còn được thể hiện khi tham gia các hoạt động nghĩa vụ quân sự, tham gia các hoạt động văn hóa, lịch sử, bảo vệ các di sản văn hóa, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, giữ gìn lãnh thổ quốc gia, bảo tồn những giá trị văn hóa .

Ân chúng sinh giúp mỗi người nhận thức được trách nhiệm đối với chính bản thân mình, gia đình, xã hội và đất nước. Đó là phải biết yêu thương, sẻ chia, lan tỏa tình yêu thương đó đến cho mọi người, muôn vật trở thành tình yêu thương quê hương, cộng đồng, gắn kết và

vị tha. Được thể hiện một cách thiết thực được thể hiện qua làm việc, học tập và cống hiến hết mình cho xã hội, lên án những hành động ảnh hưởng đến nền chính trị, độc lập của dân tộc, sự phát triển của đất nước. Từ lòng biết ơn chúng sinh chuyển hóa thành lòng yêu nước, coi trọng quốc gia xã hội, mỗi người phải tuân thủ pháp luật, từ đó góp phần làm ổn định và duy trì trật tự xã hội, tham gia giữ gìn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc. Bên cạnh đó, ân chúng sinh giúp con người gắn kết, yêu thương nhau, từ bi thay thế cho hận thù, làm thiện thay thế cho bất thiện. Mọi người sẽ đùm bọc, chia sẻ, giúp đỡ người khó khăn góp phần tô bồi truyền thống “nhiều điều phũ phàng giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng” của dân tộc Việt Nam.

Phật giáo không chỉ đề cao đề cao mối quan hệ giữa người với người, mà còn mở rộng với muôn loài chúng sinh, mở rộng hơn tới vấn đề bảo vệ môi trường, khuyến khích con người biết ơn muôn loài, hành động vì môi trường cho cả thế hệ mai sau. Thông điệp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về *Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2015* nêu rõ: “Hơn lúc nào hết các giải pháp bảo vệ môi trường được tìm đến trong giáo lý của Phật giáo và các tôn giáo như là một nguồn năng lượng hữu hiệu nhất có thể nhằm bảo vệ, gìn giữ, đem lại vẻ đẹp tự nhiên của mẹ Trái đất, bảo vệ hành tinh thân yêu của chúng ta.” [Thích Thiện Nhơn, 2015; 2].

Có thể nhận định rằng, quan điểm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giữa tôn giáo và dân tộc không hề đối lập nhau, *tứ trọng ân* của Phật giáo đã và đang củng cố, làm sâu sắc thêm các giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc, giúp hoàn thiện tiếp tục các giá trị đạo đức, góp phần phát triển đất nước một cách bền vững. Việc phát huy *tứ trọng ân* và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày là một hướng khả thi, mang lại hiệu quả thiết thực, giúp ngăn chặn sự tha hóa đạo đức của một bộ phận người dân, điều chỉnh lối sống vô cảm, xa hoa, xa rời thực tế.

3.2. *Tứ trọng ân với tăng, ni, phật tử*

Phật giáo đã và đang đồng hành cùng dân tộc trong mọi lĩnh vực, các tăng, ni, phật tử vừa là công dân vừa là tín đồ Phật giáo. Khi tăng, ni, phật tử có đời sống tốt đẹp về tinh thần thì sức lan tỏa của tứ trọng ân không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hành động, hun đúc tinh thần tri ân, báo ân cho tăng, ni, phật tử, mà còn cho cả xã hội.

Tăng, ni là những người đã từ bỏ thế tục xuất gia, vào sinh hoạt ở chốn Thiền môn, là tấm gương đạo đức cho những người Phật tử tại gia. Trong các khóa trì tụng trên chùa, tăng, ni thường lễ Tứ trọng ân trong các lễ tạ. Đây cũng là động lực để người xuất gia phải cố gắng tu tập. Người xuất gia hàng ngày ghi nhớ Tứ trọng ân: biết ơn Phật, biết ơn Cha mẹ, biết ơn Sư Trưởng, biết ơn chúng sinh như là phương tiện cho người xuất gia trên con đường tu học, trở thành người sống tốt đời, đẹp đạo. Sống với lòng biết ơn giúp người xuất gia chiêm nghiệm sâu sắc hơn cuộc đời và cảnh tình bản thân, biết sống tôn trọng giới luật để cùng nhau lan tỏa lòng từ bi, sự đức hạnh; giúp người xuất gia tự giác điều chỉnh tư tưởng và hành vi của mình, tự soi xét mọi việc làm và hành động; tôn trọng quy luật nhân quả, tự giác điều chỉnh thân, khẩu, ý, không để môi trường hay các hoạt động tiêu cực làm ảnh hưởng đến tâm thức.

Phật tử là những người tin vào Phật Pháp, tin vào giáo lý của Đức Phật và thường xuyên nghe Pháp, lễ Phật, tụng kinh, sinh hoạt thường nhật hoặc thường niên tại chùa. Phật tử một mực tôn kính Phật, Pháp, Tăng, tam bảo, thường xuyên giành thời gian lui tới chùa, sinh hoạt và tu tập trở thành những người đệ tử thuần thành. Lực lượng Phật tử rất đông, sự tin tưởng và thực hành *tứ trọng ân* của họ trong cuộc sống lao động, sản xuất và bảo vệ tổ quốc sẽ vô cùng hiệu quả.

Người học Phật là những người đến với tri thức Phật giáo và tiếp thu, phát huy nhiều giá trị tốt đẹp của Phật giáo với tư cách người mến mộ Phật giáo. Tứ trọng ân là một giá trị tư tưởng đạo đức được Phật giáo tổng hợp nên, rất phù hợp với xã hội Việt Nam. Người học Phật có thể áp dụng các giáo lý Phật giáo vào đời sống thường nhật của mình tuy họ không lui tới chùa nhiều như người Phật tử nhưng tâm vẫn hướng về tam bảo, có niềm tin với Phật Pháp. Và "... những giá trị và chuẩn mực đạo đức Phật giáo đã góp phần hình thành nên nhân cách, lối sống của người Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Thực hành lối sống đạo đức Phật giáo gắn liền với lương tâm, nghĩa vụ và trách nhiệm của người Phật tử" [Phan Thị Lan, 2016: 55].

Ở nước ta, Phật giáo là một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất, nên việc chú trọng đến giáo dục và đào tạo, định hướng tư tưởng cho tăng, ni, Phật tử, người học Phật thông qua *tứ trọng ân* là một việc làm hết sức quan trọng. Đây là những người sẽ lan tỏa tinh

thần tốt đẹp của Phật giáo đến nhiều thành phần khác trong xã hội. Tứ trọng ân Phật giáo đã bồi đắp những phẩm chất cao đẹp cho tăng, ni, phật tử, người học Phật tại Việt Nam, góp phần vào việc duy trì, phát triển những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

Kết luận

Với giá trị nhân văn sâu sắc, phù hợp với truyền thống, phong tục và lối sống của nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay, Tứ trọng ân trong Phật giáo đã góp phần điều chỉnh tư tưởng, lối sống, hành vi của một bộ phận nhân dân nói chung và tăng, ni, phật tử nói riêng và ngày càng trở thành một giá trị chuẩn mực đạo đức, lan tỏa trong đời sống xã hội.

Tứ trọng ân gồm bốn nội dung: *ân Phật* khuyến khích lòng biết ơn đối với Đức Phật, giúp mỗi người dân Việt Nam gắn bó hơn với Tam bảo, với mái chùa; nhận thức rõ vai trò của Phật giáo trong việc dẫn dắt con người đến con đường giác ngộ và giải thoát; *ân cha mẹ* nêu cao tinh thần hiếu hạnh, là động lực, nền tảng giáo dục tốt đẹp của mỗi gia đình; *ân Sư trưởng* đề cao vai trò, vị trí của người Thầy, những người đóng góp cho nhiều lĩnh vực liên quan đến nền giáo dục và định hướng trong xã hội; *ân chúng sinh* khuyến khích lòng biết ơn đối với chúng sinh, từ đó mở rộng lòng yêu nước, đoàn kết, yêu thương, sẻ chia đối với muôn loài, với mọi người. Tứ trọng ân góp phần gắn kết các mối quan hệ trong gia đình tốt đẹp, tạo cơ sở cho việc xây dựng một xã hội bền vững.

Vai trò của *tứ trọng ân* đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam phát huy một cách tích cực, thể hiện thông qua tư tưởng nhập thế của đạo Phật và thực tiễn các hoạt động, đời sống hàng ngày của tăng, ni, phật tử, những người học tập, tu tập theo giáo lý của Đức Phật nói riêng và nhân dân nói chung. Trước thực trạng văn hóa, đạo đức xã hội ngày có nguy cơ bị suy thoái, những giá trị cao đẹp của *tứ trọng ân* cần được phát huy trong đời sống là trách nhiệm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của mỗi người con Phật, góp phần xây dựng một đất nước Việt Nam giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại Sư Tĩnh Am, Chu Phi dịch (2011), *Khuyên Phát Tâm Bồ Đề*, Trung Tâm Tư Liệu Phật học Việt Nam.
2. Thích Tâm Châu (2016), *Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán*,
a. https://daibaothapmandalataythien.org/2-pham-bao_ngày_đăng_tải
27/05/2016; ngày truy cập 25/8/2024.
3. Thích Minh Châu (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, Nxb. Tôn Giáo.
4. Nguyễn Quế Diệu (2019), *Những chuẩn mực đạo đức cơ bản của người Việt Nam trong ca dao, tục ngữ*, Khoa Học Xã Hội, số 10.
5. Thích Huyền Dung (1995), *Từ Bi Thủy Sám Pháp*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.
6. Thích Huệ Đăng (2017), *Kinh Vu Lan Báo Hiếu*, Nxb. Tôn Giáo.
7. Thích Viên Giác (2012), *Kinh Lương Hoàng Sám*, NXB Tôn Giáo.
8. Tuyên Hoá, Đại Sư Tĩnh Am dịch (2006), *Khuyên Phát Bồ Đề Tâm*, Tôn Hội Phật Giáo Pháp giới Vạn Phật Thánh Thành Mỹ Quốc, California.
9. Mai Hồng (2010), *Tôn Sư Trọng Đạo, nghĩ xưa và nay*, trên trang: http://unescovietnam.vn/vnf/index.php?option=com_content&view=article&id=549:ton-s-trng-o-ngh-xa-va-nay&catid=63:tam-ly&Itemid=187
ngày đăng tải 20/11/2010; ngày truy cập 15/8/2024.
10. Phan Thị Lan (2016), “Giá trị và chuẩn mực của văn hóa đạo đức Phật giáo”, in trong *Tạp Chí Khoa Học Và Xã Hội Việt Nam số 3(100)*.
11. Hoàng Thúc Luân (2015), “Đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, in trong *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 11(96)*.
12. Nguyễn Văn Năm (2022), “Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc và sự cần thiết phải kế thừa giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam hiện nay”, in trong *Tạp chí nghiên cứu- trao đổi số 3*.
13. Thích Thiện Nhơn (2015), *Thông điệp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam về bảo vệ môi trường*, trên trang: <https://ghpgvn.vn/thong-diep-cua-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-ve-bao-ve-moi-truong> đăng ngày 10/04/2019; ngày truy cập 15/08/2024.
14. Chu Phi (1993), *Khuyên Phát tâm Bồ đề*, Trung tâm tư liệu Phật học
15. Thích Chơn Thiện, (1991), *Kinh Thiện Sinh*, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Đại Tạng Kinh Việt Nam.
16. Thích Minh Thịnh (2019), “Vận dụng triết lý Phật giáo đối với việc xây dựng đời sống gia đình tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay”, in trong *Kỷ yếu hội thảo Đại Lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc 2019 Gia Đình Hòa Hợp Và Xã Hội Bền Vững*, Nxb. Tôn Giáo.
17. Thích Chính Tiến (2022), *Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân*, NXB Tôn Giáo.
18. Thích Trí Tịnh (2022), *Kinh Phạm Võng*, NXB Tôn Giáo
19. Thích Hành Trụ (2006), *Sơ đẳng Phật học giáo khoa thư*, Nxb. Tôn Giáo.

Abstract

ROLES OF FOUR GREAT GRATITUDES TO THE MORAL LIFE OF THE VIETNAMESE TODAY

Nguyen Van Thanh

Vietnam Central Committee of Fatherland Front

Nguyen Thuy Thom (Buddha name: Thích Minh Thịnh)

Vietnam Central Committee of Fatherland Front

Since its introduction and propagation in Vietnam, Buddhism has been closely intertwined with and accompanied the Vietnamese nation. Through the many ups and downs of history, Buddhism has increasingly affirmed its position in people's hearts. The engaged spirit of Buddhism, combined with patriotic tradition, has become a spiritual strength that enables the Vietnamese to embrace and promote the deeply humanistic moral values of Buddhism. One of the Buddhist moral values widely adopted by both Buddhist learners and Buddhists in daily life is the "Four Great Gratuities" (tứ trọng ân). This unique Buddhist concept emphasizes gratitude and repayment of kindness. Rooted in Buddhist scriptures, the "Four Great Gratuities" were introduced to Vietnam, where they blended with the nation's core traditions, becoming a noble ethical principle and way of life for Buddhists in particular and the Vietnamese in general.

Keywords: Buddhism, Four Great Gifts, ethic, value, Vietnam